

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 215/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2017
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên.

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 642/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2017 Quyết định hoãn phiên tòa số 157/QĐ.HPT ngày 31/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1980 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2017 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng N trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Lê Văn T cưới nhau năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông T không quan tâm vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình. Ông bà ly thân từ tháng 01/2003 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà xin ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cả hai có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 05/4/2000. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Ông T cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Nguyên

đơn bà N có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, bà Nguyễn Hồng N yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Văn T, xét thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình, thẩm quyền căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T cưới nhau vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn đã vi phạm vào Điều 9 của luật hôn nhân gia đình.

[3] Bà Nga cương quyết xin ly hôn với ông thuận, ông T đã biết bà Nga xin ly hôn nhưng ông T không có ý kiến trong việc yêu cầu ly hôn của bà N. Mặt khác, bà N và ông T không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 53 luật hôn nhân gia đình không công nhận bà Nguyễn Hồng N và ông Lê Văn T là vợ chồng.

[4] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn bà N đồng ý để con chung cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không có ý kiến phản đối nên tiếp tục để con chung cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của bà N và ông T.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về quyền cấp dưỡng nuôi con, tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ khác.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9; Khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng N đối với ông Lê Văn T.
 - Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Hồng N với ông Lê Văn T là vợ chồng.
 - Về quyền nuôi con chung: Ông Lê Văn T được quyền tiếp tục nuôi con tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 05/4/2000, bà Nguyễn Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con vì ông T không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000870 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Y.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài